

Số 3780 /BGTVT- CYT

Hà nội, ngày 04 tháng 4 năm 2014

V/v triển khai Tháng hành động vì
chất lượng VSATTP năm 2014.

Kính gửi: Các đơn vị trực thuộc

Thực hiện Chỉ thị số 08/1999/CT-TTg ngày 15 tháng 4 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác bảo đảm chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm; Công văn số 01/KH-BCĐTUVSATTP ngày 12 tháng 3 năm 2014 của Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về vệ sinh an toàn thực phẩm về Kế hoạch triển khai “Tháng hành động vì chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm” năm 2014, Bộ Giao thông vận tải phát động thực hiện Tháng hành động vì chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm trong toàn Ngành với các mục tiêu và nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

- Kiên quyết đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trong trường học, bệnh viện, bếp ăn tập thể, công trường thi công và các cơ sở kinh doanh suất ăn công nghiệp trong ngành Giao thông vận tải.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra đảm bảo an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm đặc biệt là các cơ sở nhỏ lẻ, bếp ăn tập thể nhằm hạn chế tối đa xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm, các bệnh truyền qua thực phẩm trong ngành Giao thông vận tải.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền các quy định của pháp luật về bảo đảm thức ăn thực phẩm, thức ăn đường phố trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Các bếp ăn tập thể và các cơ sở sản xuất suất ăn chế biến sẵn được hướng dẫn xây dựng cam kết “bếp ăn tập thể - bếp ăn an toàn - xuất ăn vệ sinh” theo đúng quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm và được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, được cung cấp kiến thức khoa học trong việc sản xuất, chế biến thực phẩm an toàn.

II. THỜI GIAN VÀ PHẠM VI TRIỂN KHAI

- Thời gian: Từ ngày 15/4/2014 đến ngày 15/5/2014.

- Phạm vi triển khai: Toàn ngành Giao thông vận tải.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG

1. Chủ đề tháng hành động năm 2014:

“An toàn thực phẩm thức ăn đường phố”

2. Khẩu hiệu tuyên truyền trong Tháng hành động:

- *Nhiệt liệt hưởng ứng “Tháng hành động vì chất lượng, vệ sinh an toàn*

thực phẩm” năm 2014.

- Kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vận chuyển, kinh doanh, sử dụng thực phẩm không an toàn; gia cầm, sản phẩm gia cầm nhập lậu, không rõ nguồn gốc, chưa qua kiểm dịch.

- Vì sức khỏe người tiêu dùng, không sử dụng hóa chất, phụ gia độc hại.

- Không sử dụng phẩm màu độc hại, các chất phụ gia, hóa chất ngoài danh mục cho phép sản xuất, chế biến thực phẩm.

- Sử dụng quán hàng ăn, thực phẩm mất vệ sinh, không an toàn là tự tìm đến bệnh tật.

- Lựa chọn thực phẩm thực phẩm sạch, rõ nguồn gốc xuất xứ cho bữa ăn ngon, an toàn sức khỏe.

- Phát hiện hành vi vi phạm an toàn thực phẩm hãy báo cho cơ quan chức năng gần nhất.

- Để đảm bảo an toàn thực phẩm hãy ăn chín, uống sôi, rửa tay thường xuyên bằng xà phòng.

3. Truyền thông

- Tập trung tuyên truyền các quy định của pháp luật về đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao kiến thức, thái độ, thực hành về VSATTP tại bếp ăn tập thể.

- Làm rõ vai trò, trách nhiệm của các đơn vị, của người quản lý, của người sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng trong công tác bảo đảm chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm theo Luật An toàn thực phẩm và các qui định hiện hành.

- Tuyên truyền, hướng dẫn nêu cao vai trò trách nhiệm, tầm quan trọng của việc thực hiện tốt các quy định về vệ sinh cơ sở, vệ sinh trang thiết bị, dụng cụ chế biến thực phẩm, vệ sinh cá nhân trong việc phòng ngừa nguy cơ ô nhiễm thực phẩm và bệnh truyền qua thực phẩm; tuyên truyền, phổ biến, giám sát việc thực hiện điều kiện kiến thức và sức khỏe của người trực tiếp chế biến thực phẩm, vệ sinh an toàn trong chế biến, vận chuyển, bảo quản, kinh doanh, sử dụng thực phẩm và phụ gia thực phẩm góp phần vào giảm thiểu ngộ độc thực phẩm.

- Tuyên truyền để người tiêu dùng hiểu rõ quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong an toàn thực phẩm. Đặc biệt là quyền khiếu nại, trách nhiệm khai báo, tố giác các hành vi vi phạm an toàn thực phẩm của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

- Hướng dẫn cách chọn mua, chế biến, bảo quản và tiêu dùng thực phẩm an toàn.

4. Công tác kiểm tra, giám sát

Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát các đơn vị trong Ngành về việc thực hiện các văn bản pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm: Đánh giá thực trạng công tác quản lý nhà nước về An toàn thực phẩm và việc triển khai Tháng

hành động vì chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm năm 2014; việc thực hiện các quy định của pháp luật về đảm bảo an toàn thực phẩm hướng tới chủ đề Tháng hành động năm 2014 là “*An toàn thực phẩm thức ăn đường phố*”.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phối hợp với tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên cùng cấp đẩy mạnh tuyên truyền về đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm tới cán bộ công chức viên chức và người lao động ngành Giao thông vận tải, đặc biệt tại các công trường thi công, các cơ sở đào tạo.

2. Trên tất cả các trang website, các báo và tạp chí ngành Giao thông vận tải tăng cường chuyển tải các thông tin đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

3. Cục Y tế Giao thông vận tải:

- Là cơ quan thường trực có trách nhiệm theo dõi và kiểm tra việc thực hiện các nội dung hoạt động trong tháng phát động tại các đơn vị trong toàn ngành Giao thông vận tải.

- Phối hợp với các cơ quan truyền thông ngành Giao thông vận tải tăng cường công tác tuyên truyền về vệ sinh an toàn thực phẩm.

Bộ Giao thông vận tải yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai kịp thời các nội dung trên, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm và báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Giao thông vận tải (*Theo mẫu báo cáo kèm theo*) trước ngày 20 tháng 5 năm 2014 (qua Cục Y tế Giao thông vận tải - Địa chỉ 73 Yên Ninh – Ba Đình – Hà Nội) để tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về vệ sinh an toàn thực phẩm.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Ban Chỉ đạo liên ngành TUVSATTP (để b/c);
- Bộ Y tế;
- Công đoàn GTVT Việt Nam;
- Website Bộ GTVT;
- Báo GTVT; Tạp chí GTVT;
- Lưu VT; CYT (5)

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



Nguyễn Văn Thể

BÁO CÁO

Kết quả triển khai Tháng hành động vì chất lượng ATVSTP năm 2014

I. Công tác chỉ đạo:

(nêu cụ thể)

II. Kết quả thanh tra, kiểm tra tại cơ sở thực phẩm (không bao gồm các cơ sở do đoàn liên ngành T.Ư thực hiện và báo cáo):

1. Việc tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra

Tổng số đoàn thanh tra, kiểm tra:

Trong đó:

1.1 Số đoàn thanh tra, kiểm tra tuyến tỉnh:

1.2 Số đoàn thanh tra, kiểm tra tuyến huyện:

2. Kết quả thanh tra, kiểm tra:

Bảng 1: Kết quả thanh tra, kiểm tra:

TT	Loại hình cơ sở thực phẩm	Tổng số cơ sở	Số CS được thanh, kiểm tra	Số cơ sở đạt	Tỷ lệ % đạt
1	Sản xuất, chế biến				
2	Kinh doanh				
3	Dịch vụ ăn uống				
	Tổng số (1 + 2 + 3)				

Bảng 2: Tình hình vi phạm và xử lý vi phạm

TT	Tổng hợp tình hình vi phạm	Số lượng	Tỷ lệ % so với số được kiểm tra
1	Tổng số cơ sở được thanh tra, kiểm tra		
2	Số cơ sở có vi phạm		
3	Số cơ sở vi phạm bị xử lý		
	Trong đó:		
3.1	Hình thức phạt chính:		
	Số cơ sở bị cảnh cáo		
	Số cơ sở bị phạt tiền		
	Tổng số tiền phạt		
3.2	Hình thức phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả		
*	Số cơ sở bị đóng cửa		
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành sản phẩm		
	Số sản phẩm bị đình chỉ lưu hành		
*	Số cơ sở bị tiêu hủy sản phẩm		
	Tổng số loại sản phẩm bị tiêu hủy		
*	Số cơ sở phải khắc phục về nhãn		
	Số loại sản phẩm có nhãn phải khắc phục		

*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành tài liệu q/cáo		
	Số loại tài liệu q/cáo bị đình chỉ lưu hành		
*	Các xử lý khác		
3.3	Chuyển hồ sơ sang cơ quan khác xử lý		
3.4	Số cơ sở có vi phạm nhưng không xử lý (chỉ nhắc nhở)		

Bảng 3: Các nội dung vi phạm chủ yếu

TT	Nội dung vi phạm	Số CS được thanh tra	Số cơ sở vi phạm	Tỷ lệ %
1	Điều kiện vệ sinh cơ sở			
2	Điều kiện trang thiết bị dụng cụ			
3	Điều kiện về con người			
4	Công bố sản phẩm			
5	Ghi nhãn thực phẩm			
6	Quảng cáo thực phẩm			
7	Chất lượng sản phẩm thực phẩm			
8	Vi phạm khác (ghi rõ)			

Bảng 4: Kết quả kiểm nghiệm mẫu:

TT	Loại xét nghiệm	Kết quả xét nghiệm mẫu		
		Tổng số mẫu xét nghiệm	Số mẫu không đạt	Tỷ lệ % không đạt
I	Xét nghiệm tại labo			
1	Hóa lý			
2	Vi sinh			
	Tổng số XN tại labo			
II	XN nhanh			
	Cộng			

III. Nhận xét, đánh giá chung

Đề nghị nhận xét, đánh giá cụ thể theo số liệu thực tế tại các bảng từ 1 - 4.

IV. Đề xuất kiến nghị (ghi cụ thể)